



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 332 /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 23 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững
Vườn Quốc gia Núi Chúa đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học năm 2008;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017;

Căn cứ Luật Du lịch năm 2017;

Căn cứ Luật Thủy sản năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018 - 2023;

Căn cứ Quyết định số 1222/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững;

b

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phân định ranh giới rừng;

Căn cứ Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra rừng và theo dõi diễn biến rừng;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025;

Theo Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững Ban quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa đến năm 2030;

Theo Thông báo số 243/TB-VPUB ngày 18/8/2020 của Văn phòng UBND tỉnh về Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Lưu Xuân Vĩnh tại cuộc họp nghe báo cáo Phương án quản lý rừng bền vững, Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Vườn Quốc gia Núi Chúa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 252/TTr-SNNPTNT ngày 25/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững Vườn Quốc gia Núi Chúa đến năm 2030, với một số nội dung chính như sau:

1. Tên Phương án: Phương án quản lý rừng bền vững Vườn quốc gia Núi Chúa đến năm 2030.

2. Tên chủ rừng: Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa.

3. Mục tiêu của Phương án:

a) Mục tiêu chung:

- Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có; bảo tồn đa dạng sinh học và nguồn gen đặc hữu, quý hiếm trong lâm phần quản lý, đặc biệt là các loài bị đe dọa, nguy cấp; phục hồi tài nguyên và cảnh quan thiên nhiên, ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại rừng, môi trường, cảnh quan rừng; không làm suy giảm về môi trường sinh thái; nâng cao khả năng phòng hộ chắn gió, điều tiết nguồn nước, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu; nâng cao giá trị của rừng;

b

- Khai thác tiềm năng, lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, đa dạng sinh học, môi trường rừng và cơ sở hạ tầng để phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và cho thuê môi trường rừng, tạo việc làm, nâng cao đời sống của nhân dân trong vùng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế để phục vụ công tác bảo tồn và nâng cao năng lực; thu hút các nhà khoa học, học sinh, sinh viên, các tầng lớp xã hội trong vùng, cả nước, khu vực và quốc tế đến nghiên cứu, học tập, tham quan du lịch, chia sẻ kinh nghiệm, qua đó giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Về môi trường:

+ Bảo vệ nguyên vẹn diện tích rừng hiện có là 18.872,62 ha, tiếp tục duy trì ổn định độ che phủ rừng đến năm 2030 là 79,6%. Giảm áp lực đối với công tác bảo tồn từ cộng đồng dân cư sống trong và ven Vườn quốc gia tác động vào rừng do các hoạt động trái phép.

+ Bảo tồn tài nguyên động, thực vật, đặc biệt 62 loài thực vật và 46 loài động vật quý, hiếm, bị đe dọa nguy cấp theo tiêu chí trong Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ, Sách đỏ Việt Nam và IUCN, CITES.

+ Phục hồi hệ sinh thái rừng nghèo, nghèo kiệt thông qua các giải pháp lâm sinh phù hợp, theo quy định của pháp luật.

+ Phát huy tối đa chức năng phòng hộ đầu nguồn của rừng, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Về xã hội:

+ Phối hợp chặt chẽ, nâng cao nhận thức và tăng cường sự tham gia của chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư vào các hoạt động giao khoán bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển du lịch sinh thái và thực hiện các dịch vụ về môi trường rừng.

+ Nâng cao năng lực về nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ, thực hiện các nhiệm vụ về nghiên cứu hệ sinh thái, nghiên cứu bảo tồn loài và nghiên cứu thực nghiệm, chuyển giao các kết quả nghiên cứu.

+ Góp phần cải thiện sinh kế, giảm nghèo cho cộng đồng dân cư và giữ vững sự ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, giảm thiểu các tác động tiêu cực của con người đến việc bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Về kinh tế:

+ Cung cấp các giá trị, dịch vụ môi trường rừng ổn định, bền vững từ rừng nhằm tạo ra nguồn thu để chi trả cho hoạt động giao khoán bảo vệ rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sống trong và xung quanh Vườn quốc gia.

+ Tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết để đa dạng hóa các nguồn tài chính và tiếp cận các khoản tài trợ cho công tác bảo tồn và bảo vệ, phát triển rừng.

b

+ Triển khai Đề án phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí trong Vườn quốc gia giai đoạn 2021-2030, thu hút lượng khách du lịch bình quân từ 500.000-700.000 lượt mỗi năm, trong đó khách quốc tế 10.000-15.000 lượt, phát triển du lịch bền vững, có trách nhiệm và chất lượng cao.

4. Hiện trạng, kế hoạch sử dụng đất:

a) Diện tích rừng và đất lâm nghiệp năm 2019 giao Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa quản lý là 23.889,33 ha, trong đó:

- Đất rừng đặc dụng: 22.087,80 ha (*phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: 11.455,82 ha, phân khu phục hồi sinh thái: 8.293,40 ha, phân khu dịch vụ hành chính: 2.338,58 ha*).

- Đất rừng phòng hộ: 1.801,53 ha.

b) Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 23.642,36 ha, trong đó:

- Đất rừng đặc dụng: 22.087,80 ha (*phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: 11.523,76 ha, phân khu phục hồi sinh thái: 8.007,69 ha, phân khu dịch vụ hành chính: 2.556,35 ha*).

- Đất rừng phòng hộ: 1.554,56 ha.

5. Kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học:

a) Kế hoạch khoán bảo vệ rừng: Tiếp tục thực hiện khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và tổ chức có liên quan với diện tích 9.777,73 ha/năm.

b) Kế hoạch thực hiện đồng quản lý, bảo tồn Rùa biển: Thực hiện mô hình đồng quản lý, bảo tồn Rùa biển giữa Vườn quốc gia với các đơn vị kinh doanh du lịch sinh thái, cộng đồng dân cư địa phương và du khách, với các hoạt động cụ thể: Di dời trứng Rùa về hồ ấp trứng; giới thiệu và hướng dẫn quy trình ấp trứng; theo dõi, giám sát Rùa nở; xem Rùa đẻ trứng; quay phim, chụp hình quảng bá; gắn thiết bị định vị theo dõi thông tin di cư của Rùa...

c) Kế hoạch bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, phòng trừ sinh vật ngoại lai xâm hại rừng:

- Kế hoạch bảo vệ rừng: Xây dựng và thực hiện Phương án chống phá rừng có sự tham gia của người dân để quản lý, bảo vệ toàn bộ diện tích rừng và đất rừng được giao quản lý; tiếp tục duy trì các Trạm bảo vệ rừng, Trạm kiểm lâm hiện có và tăng cường nhân lực để thường xuyên tổ chức tuần tra, truy quét chống phá rừng tại các điểm nóng và vùng giáp ranh; đầu tư mua sắm đầy đủ công cụ, phương tiện, trang thiết bị phục vụ bảo vệ rừng; tổ chức các đợt tuyên truyền nâng cao ý thức, nhận thức của người dân đối với công tác bảo vệ rừng; tổ chức vận động và thực hiện việc ký kết không khai thác lâm sản, săn bắn động vật trái phép với người dân xung quanh Vườn quốc gia;

- Kế hoạch phòng cháy, chữa cháy rừng: Xây dựng và thực hiện Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng hàng năm theo quy định; mua sắm bổ sung dụng cụ, phương tiện, trang thiết bị phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng; tăng cường lực lượng tại các Trạm bảo vệ rừng, Trạm kiểm lâm và các điểm trực phòng cháy,

h

chữa cháy rừng; tổ chức diễn tập phòng cháy, chữa cháy rừng hàng năm; xây dựng công trình phòng cháy, chữa cháy rừng,...

- Kế hoạch phòng trừ sinh vật ngoại lai xâm hại rừng: Lập kế hoạch phòng trừ sinh vật hại rừng; điều tra, đánh giá tình hình sinh vật gây hại đến môi trường và đa dạng sinh học; điều tra xác định thành phần loài, phân bố, đặc điểm sinh thái của loài sinh vật gây hại và đề xuất biện pháp kiểm soát và diệt trừ.

d) Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và các khu rừng có giá trị bảo tồn cao: Trên cơ sở các khu rừng có giá trị bảo tồn cao, tiến hành điều tra, xác định lập danh lục đầy đủ về thành phần các loài động, thực vật bị đe dọa, nguy cấp, quý hiếm có trong Vườn quốc gia và xác định vị trí phân bố tập trung của loài; xây dựng bản đồ phân bố, tiêu bản loài; thiết lập các điểm (*ô định vị*) nghiên cứu về đặc điểm sinh thái của loài, theo dõi mối quan hệ của loài với môi trường để làm cơ sở bảo tồn, phục hồi và phát triển; xây dựng khu vực để nhân giống, trồng sưu tập một số loài thực vật tiêu biểu, đặc trưng và thích nghi với điều kiện môi trường khô hạn đặc trưng để bảo tồn; biên tập tài liệu giới thiệu đầy đủ các loài động, thực vật có phân bố tại Vườn quốc gia để phục vụ công tác giáo dục, tuyên truyền và giới thiệu, quảng bá; cử cán bộ đi học tập, tham gia các lớp tập huấn về công tác bảo tồn các loài động, thực vật.

đ) Kế hoạch phát triển rừng:

- Trồng rừng với diện tích khoảng 370 ha;
- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên với diện tích khoảng 1.034 ha;
- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung với diện tích khoảng 1.400 ha.

e) Kế hoạch nghiên cứu khoa học, giảng dạy, đào tạo nguồn nhân lực: Phối hợp với các cơ quan khoa học trong nước và các tổ chức quốc tế về bảo tồn thiên nhiên, hàng năm đề xuất và thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, tập trung vào các lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học, thực nghiệm và sản xuất,... Cử cán bộ tham dự các khóa đào tạo nâng cao năng lực trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, theo dõi diễn biến rừng và các kỹ năng cần thiết khác; cử cán bộ tham dự đào tạo sau đại học về các chuyên môn liên quan.

g) Kế hoạch phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí:

- Định hướng các sản phẩm du lịch: Tổ chức các dịch vụ lưu trú, nghỉ dưỡng trên cạn và trên các du thuyền kết hợp với các dịch vụ vui chơi, giải trí trên biển; dịch vụ dã ngoại, leo núi, khám phá thiên nhiên; tổ chức du lịch kết hợp học tập, nghiên cứu; du lịch tham quan, khám phá các làng nghề, sản xuất của địa phương; các dịch vụ nhà hàng, ẩm thực, giải trí, mua sắm,...;

- Phát triển 18 tuyến du lịch trên cạn, gồm: Tuyến 1: Hang Rái - Công viên Đá - Bãi Thệt; tuyến 2: Trụ sở Vườn quốc gia - Hang Rái - Bãi Hõm; tuyến 3: Trụ sở Vườn quốc gia - Làng cũ (*thôn Đá Hang*) - Thác 5 tầng; tuyến 4: Trụ sở Vườn quốc gia - Đỉnh Núi Chúa - Thôn Cầu Gãy; tuyến 5: Trụ sở Vườn quốc gia - Thôn Cầu Gãy - Vách đá ngấm sao; tuyến 6: Trụ sở Vườn quốc gia - Thôn Cầu Gãy - Rẫy chú Yên; Tuyến 7: Trụ sở Vườn quốc gia - Thôn Cầu Gãy - Núi Ông - Vòng

về thôn Cầu Gậy; tuyến 8: Trụ sở Vườn quốc gia - Thôn Vĩnh Hy - Đá vách - Bãi Thùng; tuyến 9: Trụ sở Vườn quốc gia - Hòn Đeo; tuyến 10: Trụ sở Vườn quốc gia - Hang Rái - Vĩnh Hy; tuyến 11: Vịnh Vĩnh Hy - Bãi Thùng; tuyến 12: Dọc theo Suối nước ngọt Cam Lập; tuyến 13: Dọc theo Suối nước ngọt Bình Tiên; tuyến 14: Trụ sở Vườn quốc gia - Hòn Chông, Hòn Đỏ; tuyến 15: Trụ sở Vườn quốc gia - Đầm Nai; tuyến 16: Trụ sở Vườn quốc gia - Nhà Mát - Ô Lim; tuyến 17: Trụ sở văn phòng đại diện Vườn quốc gia - Suối Kiền Kiền; tuyến 18: Suối Tiên - Phim trường Du Long. Ngoài ra, có thể tổ chức thêm những tuyến khác khi đủ điều kiện quy định;

- Phát triển các tuyến du lịch biển, gồm: Hang Rái - Vĩnh Hy; Hang Rái - Bãi Thùng, Hang Rái - Mũi Dinh, Hang Rái - Cam Ranh, Hang Rái - Ninh Chữ, Hang Hái - Hòn Đỏ, Hang Rái - Hòn Đeo, Hang Rái - Cà Ná, Hang Rái - Bình Ba,...;

- Phát triển 15 điểm, khu du lịch tại các khu vực: Hang Rái, Công viên đá, dốc Dinh Bà, hồ Đá Vách, Đá Vách, bãi Ngang - Hòn Đeo, hồ Am Dú, khu vực bảo tồn Rùa biển, suối Tiên, suối Kiền Kiền, khu vực Vườn thực vật, Nam bãi Kinh, Mũi Thủ, đỉnh Núi Chúa, Mỹ Hòa;

- Xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

h) Kế hoạch xây dựng, bảo trì kết cấu hạ tầng:

- Xây dựng các công trình phục vụ quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, phát triển và sử dụng rừng gồm: 15 km các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, kết hợp du lịch sinh thái; 02 Trạm kiểm lâm, Trạm bảo vệ biển; 01 hồ chứa nước vườn thực vật; sửa chữa hàng rào vườn thực vật; 01 khu vực bảo tồn chuyển vị các loài cây quý hiếm, bản địa về vườn thực vật; 01 vườn ươm, trưng bày cây bản địa, quý hiếm; 01 phòng trưng bày, bảo quản tiêu bản động, thực vật; 01 nhà trưng bày các sản phẩm địa phương; 14 biển báo cấp độ nguy cơ cháy rừng; 60 bảng tuyên truyền cấm lửa, cấm chặt; 10 bảng nội quy; 03 đập giữ nước, 01 hồ chứa nước, 01 kênh dẫn nước và 10 bể chứa nước phục vụ chữa cháy rừng; sửa chữa, nâng cấp nhà làm việc 5.000 m²; nạo vét, sửa chữa, nâng cấp mở rộng cầu tàu Vĩnh Hy; xây dựng cầu treo dân sinh thôn Cầu Gậy; xây dựng 10 chốt bảo vệ rừng (*nhà tiền chế*); nâng cấp 08 Trạm kiểm lâm, Trạm bảo vệ rừng. Bên cạnh đó, hàng năm tiến hành sửa chữa, bảo dưỡng đối với các công trình xây dựng của Vườn quốc gia;

- Đối với các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được thể hiện tại Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn quốc gia Núi Chúa.

i) Kế hoạch hoạt động dịch vụ cho cộng đồng: Ưu tiên sử dụng người dân địa phương tham gia vào các hoạt động của Phương án như: Tham gia nhận khoán bảo vệ rừng, tham gia trồng rừng, tham gia bảo tồn rùa biển, được chia sẻ lợi ích về lâm sản ngoài gỗ tại các khu vực nhận khoán bảo vệ rừng theo quy định của pháp luật, được tham gia các hoạt động du lịch sinh thái và được tham gia các lớp đào tạo, tập huấn về bảo vệ và phát triển rừng, du lịch cộng đồng,...

b₂

k) Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng và thuê môi trường rừng:

- Chi trả dịch vụ môi trường rừng: Tiếp tục tổ chức rà soát, xác định đối tượng chi trả dịch vụ môi trường, xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng và triển khai kế hoạch chi trả dịch vụ môi trường rừng hàng năm theo quy định;

- Định hướng cho thuê môi trường rừng: Bên cạnh các khu vực đang cho thuê, tiếp tục đưa vào cho thuê môi trường rừng tại các khu vực rừng đặc dụng, phòng hộ thuộc lâm phần Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa quản lý theo quy định của pháp luật (*không được thực hiện hoạt động nghỉ dưỡng, giải trí trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng*). Cụ thể:

+ Khu vực tự tổ chức, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng, gồm 12 khu vực: Khu vực Hang Rái (*Diện tích 49,36 ha*); Khu vực Công viên đá (*Diện tích 37,11 ha*); Khu vực dốc Dinh Bà (*Diện tích 37,32 ha*); Khu vực hồ Đá Vách (*Diện tích 35,08 ha*); Khu vực Đá Vách (*Diện tích 56,58 ha*); Khu vực bãi Ngang - Hòn Đeo (*Diện tích 51,35 ha*); Khu vực suối Tiên (*Diện tích 44,95 ha*); Khu vực suối Kiền Kiền (*Diện tích 66,35 ha*); Khu vực Vườn thực vật (*Diện tích 41,57 ha*); Khu vực Nam Bãi Kinh (*Diện tích 8,06 ha*); Khu vực Mũi Thủ, Vĩnh Hy (*Diện tích 28,52 ha*); Khu vực đỉnh Núi Chúa (*Diện tích 346,92 ha*). *Đối với Khu vực đỉnh Núi Chúa thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt nên trước khi thực hiện xây dựng dự án đầu tư, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cho thuê môi trường rừng hoặc liên kết đầu tư để thực hiện hoạt động nghỉ dưỡng, giải trí thì Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa phải xin ý và được sự chấp thuận chủ trương đầu tư và điều chỉnh phân khu chức năng của cấp có thẩm quyền*).

+ Các khu vực cho thuê môi trường rừng, gồm 11 khu vực: Khu vực Dự án đầu tư xây dựng khu du lịch Bình Tiên tại bãi biển Bình Tiên (*Diện tích 24,56 ha*); Khu vực Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Núi Chúa tại bãi Chà Là (*Diện tích 97,68 ha*); Khu vực Dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Bãi Lớn - Bãi Hời (*Diện tích 17,09 ha*); Khu vực Dự án Khu Resort Vườn San Hô (*Diện tích 47,94 ha*); Khu vực Dự án Khu du lịch cao cấp Bãi Thùng (*Diện tích 15,63 ha*); Khu vực Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Vĩnh Hy (*Diện tích 25,98 ha*); Khu vực Dự án Khu du lịch Bãi Cóc trong - Bãi Cóc ngoài (*Diện tích 8,32 ha*); Khu vực Dự án khu du lịch tại khu vực Vĩnh Hy (*Diện tích 68,67 ha*); Khu vực Dự án Khu du lịch sinh thái Nam Núi Chúa-Amanoi (*Diện tích 79,49 ha*); Khu vực Dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp tại bãi Suối Sâu (*Diện tích 49,12 ha*); Khu vực Dự án khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng bãi Hồm (*Diện tích 52,45 ha*).

Ngoài ra, trong khu vực thuộc phân khu dịch vụ hành chính và khu vực rừng phòng hộ thuộc lâm phần quản lý của Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa chưa nêu ở trên, có thể cho thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí khi đảm bảo các điều kiện theo quy định.

l) Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng: Lập kế hoạch tổ chức, triển khai các lớp tuyên truyền nâng cao nhận thức về phòng cháy, chữa cháy rừng tại 25 thôn, 07 xã xung quanh khu vực Vườn quốc gia; tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền về phòng cháy, chữa cháy rừng và bảo vệ rừng cho các tổ phòng cháy, chữa cháy rừng tại các xã trên địa bàn; tổ chức tập

huấn cho lực lượng bảo vệ rừng sử dụng các trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng; xây dựng mô hình hội phụ nữ 03 thôn vùng biển hạn chế sử dụng chất thải nhựa; xây dựng và tổ chức hoạt động 03 câu lạc bộ xanh ở 03 trường học vùng biển Vườn quốc gia; in ấn các ấn phẩm để tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân; tổ chức lồng ghép vào chương trình học đường cho học sinh.

m) Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, giám sát đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng: Tổ chức cập nhật diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng hàng năm; xây dựng cơ sở dữ liệu để phục vụ việc quản lý, theo dõi bằng công nghệ thông tin; biên tập và xuất bản tài liệu về tài nguyên động, thực vật của Vườn quốc gia; xây dựng và cập nhật thông tin tài nguyên rừng và đa dạng sinh học vào Website của Vườn quốc gia.

6. Tổng vốn đầu tư dự kiến: 425.241 triệu đồng, trong đó:

a) Phân theo giai đoạn:

- Giai đoạn 2021-2025: 258.637 triệu đồng;
- Giai đoạn 2026-2030: 166.604 triệu đồng.

b) Phân theo các hạng mục đầu tư:

- Khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ: 49.555 triệu đồng;

- Bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học: 60.734 triệu đồng;
- Phát triển rừng: 76.035 triệu đồng;
- Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, đào tạo nguồn nhân lực: 25.020 triệu đồng;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng: 139.697 triệu đồng;
- Dịch vụ cho cộng đồng: 64.500 triệu đồng;
- Chi trả dịch vụ môi trường rừng và thuê môi trường rừng: 6.000 triệu đồng;
- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng: 1.900 triệu đồng;

- Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, giám sát đa dạng sinh học, điều tra, kiểm kê rừng: 1.800 triệu đồng.

c) Phân theo nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước: 281.436 triệu đồng;
- Hỗ trợ quốc tế: 103.250 triệu đồng;
- Dịch vụ môi trường rừng: 25.555 triệu đồng;
- Vốn liên doanh, liên kết: 15.000 triệu đồng.

Tổng số kinh phí thực hiện trong kỳ kế hoạch có thể tăng, giảm tùy thuộc vào khả năng bố trí ngân sách, các nguồn huy động tài trợ khác và được quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các thỏa thuận với nhà tài trợ và các quy định hiện hành có liên quan của cấp có thẩm quyền.

7. Giải pháp thực hiện:

a) Giải pháp về tổ chức, nguồn nhân lực: Tiếp tục thực hiện cơ cấu tổ chức đã được kiện toàn theo quyết định của cấp có thẩm quyền; đồng thời tổ chức rà

soát, kiểm toàn cơ cấu tổ chức theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực theo hướng đào tạo chuyên sâu theo từng lĩnh vực để đảm bảo thực hiện tốt các hoạt động của Phương án.

b) Giải pháp phối hợp với các bên liên quan: Thiết lập cơ chế phối hợp với chính quyền địa phương trong tuyên truyền giáo dục bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, tuyển dụng lao động làm các công việc dịch vụ về du lịch sinh thái, chăm sóc các loài động vật hoang dã,... Thiết lập cơ chế phối hợp, báo cáo tình hình quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, du lịch sinh thái với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Chi cục Kiểm lâm và các cơ quan chức năng liên quan. Xây dựng quy chế phối hợp về công tác quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học giữa chủ rừng, Hạt kiểm lâm với các ngành chức năng và chính quyền địa phương để tăng cường các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý kịp thời, triệt để các đối tượng vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, đất đai nhằm răn đe, giáo dục và thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, phát huy hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ rừng.

c) Giải pháp về khoa học công nghệ: Tổ chức rà soát và nâng cấp, mua sắm trang thiết bị và xây dựng mới các hạng mục công trình đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật phục vụ công tác quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh, nhất là trong khâu cứu hộ, bảo tồn các loài động, thực vật nguy cấp, quý hiếm, phòng cháy chữa cháy rừng. Ứng dụng ảnh viễn thám, GIS, công nghệ thông tin trong điều tra rừng, quản lý tài nguyên rừng để đánh giá đúng diễn biến rừng, đất lâm nghiệp.

d) Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư: Ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước được phân bổ, tổ chức kêu gọi, thu hút đầu tư theo phương thức liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng để xây dựng cơ sở hạ tầng, triển khai hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; tìm kiếm, huy động các nguồn vốn viện trợ của các tổ chức nước ngoài để đầu tư cho công tác bảo tồn và phát triển lâm nghiệp bền vững.

Điều 2. Kết quả phê duyệt các nội dung của Phương án quản lý rừng bền vững tại Điều 1 Quyết định này là cơ sở pháp lý để thực hiện việc quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học tại Vườn Quốc gia Núi Chúa đến năm 2030. Giao Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện Ninh Hải, Thuận Bắc và Giám đốc Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa tổ chức thực hiện các công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình đảm bảo hiệu quả, đúng quy định của pháp luật; trong đó tập trung triển khai thực hiện các vấn đề trọng tâm sau:

1. Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này đảm bảo hiệu quả, đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Trường hợp Khu dự trữ sinh quyển Thế giới lấy Vườn quốc gia Núi Chúa làm vùng lõi thuộc tỉnh Ninh Thuận được cấp thẩm quyền quyết định công nhận thì việc xây dựng kế hoạch quản lý khu dự trữ sinh quyển Thế giới này phải bám

b

sát và phù hợp với nội dung Phương án quản lý rừng bền vững được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, bảo tồn đa dạng sinh học; giám sát, kiểm soát chặt chẽ các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng và hướng dẫn, tham mưu việc thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, phân bổ nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa triển khai thực hiện các nội dung của Phương án đạt hiệu quả, đúng quy định; đồng thời, tham mưu lồng ghép việc thực hiện các nội dung của Phương án với các chương trình, dự án khác có liên quan trên địa bàn tỉnh và cập nhật nội dung của Phương án vào Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch, cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi, thu hút đầu tư; trong đó ưu tiên thu hút các nhà đầu tư chiến lược để đầu tư, triển khai hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Vườn Quốc gia Núi Chúa.

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ tình hình ngân sách hàng năm, cân đối, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn vốn sự nghiệp để Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa triển khai thực hiện các nội dung của Phương án đạt hiệu quả, đúng quy định; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về quản lý tài chính.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện Ninh Hải, Thuận Bắc và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý về đất đai, môi trường,... và đa dạng sinh học tại Vườn Quốc gia Núi Chúa; giám sát, kiểm soát chặt chẽ các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất rừng và hướng dẫn, tham mưu việc thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai; hướng dẫn, thẩm định nội dung cập nhật kế hoạch sử dụng đất của Phương án vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

6. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý về lĩnh vực xây dựng tại Vườn Quốc gia Núi Chúa; kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, định hướng phát triển sản phẩm du lịch; phát triển thị trường khách du lịch; hỗ trợ, hướng dẫn chủ rừng, các nhà đầu tư về hoạt động du lịch; hỗ trợ công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư và liên kết, hợp tác phát triển du lịch giữa Vườn Quốc gia Núi Chúa với các khu, điểm du lịch trong và ngoài tỉnh. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển

b